

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2025/DS-ST

Ngày: 12 – 8 – 2025

“V/v tranh chấp giao dịch hội, vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trường

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp giao dịch hội”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quốc L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Chị Phạm Hồng D, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau.

(văn bản ủy quyền ngày 16/6/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim A, sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, tỉnh Cà Mau.

Ông Phan Khải H, sinh năm: 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16/6/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày quan điểm và yêu cầu như sau: Ngày 10/3/2022 âm lịch, bà Nguyễn Kim A và ông Phan Khải H có mở dây hội cho các hội viên tham gia chơi hội, loại hội 2.000.000đ, gồm 29 chung, mỗi tháng khai một kỳ, anh Lê Quốc L tham gia 01 chung, số thứ tự 28, đóng hội đến mãn thì hốt hội, số tiền hốt hội 56.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 1.000.000đ, còn lại 55.000.000đ, bà Kim A và ông Khải H đã chung hội nhiều lần được 32.000.000đ, hiện nợ lại 23.000.000đ đến nay không thanh toán.

Từ nội dung trên, anh L yêu cầu bà Nguyễn Kim A và ông Phan Khải H phải có nghĩa vụ trả cho anh tổng số tiền hội là 23.000.000đ, thanh toán một lần dứt điểm.

* Trong biên bản ghi nhận ý kiến bị đơn ngày 25/7/2025 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Kim A trình bày: Ngày 10/3/2022 âm lịch, vợ chồng bà có mở dây hội gồm 29 chung, loại hội 2.000.000đ, mỗi tháng khai một kỳ, anh Lê Quốc L tham gia 01 chung, số thứ tự 28, đóng hội đến mãn thì hốt hội, số tiền hốt hội 56.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 1.000.000đ, còn lại 55.000.000đ, vợ chồng bà đã chung hội được 32.000.000đ, hiện nợ lại 23.000.000đ đến nay không thanh toán do một số hội viên trong dây hội hốt hội mà không đóng hội chết lại nên bà xin trả dần cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với việc đề nghị vắng mặt của ông Phan Khải H, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định. Về loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hội nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là giao dịch hội. Việc thỏa thuận giao dịch này được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có lập danh sách hội, được tất cả các thành viên trong dây hội thống nhất tham gia, có quy định chơi hội, định mức giao nộp, thời gian mở hội, hốt hội, chung hội và gom hội. Quá trình tham gia chơi hội, anh L đã đóng hội đầy đủ đến mãn hội và hốt hội nhưng bà Kim A và ông Khải H không thực hiện nghĩa vụ chung hội đầy đủ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đồng thời dây hội này đến nay đã mãn nên có cơ sở để chấp nhận thanh lý hợp đồng là phù hợp.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao dịch hội giữa anh Lê Quốc L với bà Nguyễn Kim A và ông Phan Khải H trên thực tế là có diễn ra, được xác lập trên tinh thần thỏa thuận tự nguyện, có danh sách hội, cam kết đóng hội chết sau khi hốt hội, điều này đã được bà Kim A thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Quá trình tham gia hội, anh L đã đóng hội đầy đủ cho bà Kim A đến khi mãn hội nhưng ông Khải H và bà Kim A thực hiện nghĩa vụ giao hội không đầy đủ cho anh L. Do đó, việc anh L yêu cầu ông Khải H và bà Kim A có nghĩa vụ trả lại cho anh tổng số tiền 23.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Mặc dù việc mở hội và giao dịch hội do bà Kim A trực tiếp giao dịch với các hội viên, ông Khải H không tham gia nhưng vẫn biết việc giao dịch này của bà Kim A. Từ thời điểm bà Kim A giao dịch hội với anh L đến nay, giữa ông Khải H và bà Kim A vẫn còn mối quan hệ vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, đang sống chung, cùng làm ăn và sinh hoạt chung trong gia đình; việc giao dịch hội của bà Kim A cũng nhằm mục đích làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, phục vụ cho trang trải, sinh hoạt cuộc sống của gia đình. Hơn nữa, đây hội có tổng số 29 thành viên tham gia, số tiền giao dịch lớn, mục đích sử dụng để làm ăn, phát triển kinh tế cho gia đình nên buộc ông Khải H phải biết về khoản nợ này. Do vậy, buộc bà Nguyễn Kim A và ông Phan Khải H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh L là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ: Anh L yêu cầu bà Kim A và ông Khải H thanh toán một lần, bà Kim A chỉ đồng ý thanh toán dần cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, việc thanh toán toàn bộ một lần hay thanh toán dần thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh L nên buộc bà Kim A và ông Khải H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Kim A và ông Khải H thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn chịu án phí nên bà Kim A và ông Khải H được miễn chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên anh được hoàn lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ các Điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự;*
- *Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;*
- *Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;*
- *Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;*
- *Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quốc L – buộc bà Nguyễn Kim A và ông Phan Khải H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh L tổng số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Xét miễn cho bà Nguyễn Kim A và ông Phan Khải H. Anh Lê Quốc L không phải chịu án phí, ngày 16 tháng 6 năm 2025, anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 575.000đ theo biên lai số: 5764 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Lê Quốc L, bà Nguyễn Kim A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Khải H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải